TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT
Ngày 12 tháng 01 năm 2023.
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các thẩm phán: Bà Điêu Thị Bích Lượt

Ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25tháng 11năm 2022, và ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Bà Tạ Thị S, sinh năm 1950 và ông Lê Văn B, sinh năm 1951. Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Kim L - Văn phòng luật sư P T và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

*Bị đơn:*Ông Ngô Văn H, sinh năm 1965. Có mặt

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu Y, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Văn H: Luật sư Phạm Hồng K – Công ty Luật C C V – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 166, phố T S, thị trấn P, huyện Đ P, thành phố Hà Nội. Có mặt

Người có quyền lợi liên quan, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị P, sinh năm 1960. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

2.Ông Ngô Văn B, sinh năm 1960. Vắng mặt

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963. Có mặt

4. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1963.Có mặt

Cùng địa chỉ: Khu Y, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, ông C, bà T: Luật sư Phạm Hồng K – Công ty Luật C C V – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 166, phố T S, thị trấn P, huyện Đ P, thành phố Hà Nội. Có mặt

5.Ủy ban nhân dân xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đình L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Ông Phạm Bá D, sinh năm 1963;

2. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1975;

3. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

4 . Bà Ngô Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

5. Ông Ngô Tất T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ

6. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1973;

Đều có địa chỉ: Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

7. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1957;

8. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965;

9. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959;

10.Ông Ngô Đức Q, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu Y, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

11. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987;

12. Ông Lê Vinh H, sinh năm 1940;

13. Ông Ngô Quang C, sinh năm 1979

14. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984;

15. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973;

16. Ông Ngô Quang L, sinh năm 1950;

Đều có địa chỉ: Khu Y, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

17. Ông Ngô Đình N;

Địa chỉ: Khu 1, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ

18. Bà Ngô Thị D;

Địa chỉ: Khu 1, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

19. Ông Nguyễn Văn Q;

Địa chỉ: Khu 1, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

20. Ông Ngô Văn H;

Đều có địa chỉ: Khu 1, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

21. Ông Hà Quý T

22. Bà Trần Thị H;

23. Bà Nguyễn Thị C;

24. Ông Ngô Quang T, sinh năm 1972;

25. Ông Nguyễn Văn T;

26. Hoàng Văn H, sinh năm 1975

27. Bà Ngô Thị Thanh V;

28. Bà Ngô Thị Minh K;

Đều có địa chỉ: Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

29.Ông Ngô Đình V

30. Ông Ngô Văn H;

31. Bà Lê Thị T;

32. Bà Đỗ Thu K;

33. Ông Ngô Ngọc K;

34. Ông Ngô Công C – Trưởng Khu Y;

35. Ông Ngô Đức H, sinh năm 1974

36. Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1986

Đều có địa chỉ: Khu Y, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

Những người làm chứng, Tòa án không triệu tập nên đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn bà Tạ Thị S, ông Lê Văn B và người bảo vệ quyền, và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Tạ Gia L và Nguyễn Thị Kim L và tại phiên tòa bà Tạ Thị S và Luật sư Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất ông B, bà S đang quản lý, sử dụng hiện nay là năm 1990, ông, bà mua thửa đất của ông Lê Văn L (đã chết) và mua của một số hộ dân khác. Năm 1990, gia đình ông, bà được hợp thửa đất thổ cư số 111, tờ bản đồ số 35, diện tích 4.079,8 m^2 ở Khu X, xã P H, thị xã P T. Gia đình ông, bà sử dụng xây dựng nhà ở, trồng cây và đã đóng thuế cho nhà nước đầy đủ. Gia đình ông, bà đã làm thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do có sự tranh chấp với ông Ngô Văn H và Bà Nguyễn Thị K nên ông, bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ thể hiện trong sổ mục kê và bản đồ 299 do Ủy ban nhân dân xã P H đang quản lý. Gia đình ông, bà sinh sống ổn định ở đó không tranh chấp với ai. Đến tháng 4/2021, gia đình ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K tự ý thuê người hạ đất làm đường để cho xe ô tô lên khai thác gỗ làm thiệt hại một số cây cối của gia đình nhà ông, bà. Khi gia đình ông H, Bà K làm đường ông, bà đã báo cáo nhưng chính quyền địa phương không giải quyết mà vẫn để ông H, Bà K tiếp tục làm đường đi trên đất nhà ông, bà. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc thì ông, bà biết hiện nay diện tích đất đang tranh chấp là 138,2m^2. Khi làm đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông B, bà S yêu cầu ông H, Bà K chấm dứt hành vi lấn chiếm diện tích đất làm đường và trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông, bà. Tại phiên tòa, bà S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị Tòa án giải quyết: Xác định diện tích đất 138,2m^2 là một phần diện tích đất của thửa đất số 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T thuộc quyền sử dụng của ông, bà và buộc ông H, Bà K, bà P, ông C, ông B và bà T chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất trên của gia đình ông, bà và Thông báo Kết luận số 03/KL-CT ngày 05/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P H, thị xã P T hết hiệu lực. Còn các thiệt hại về cây cối và các tài sản khác gia đình ông, bà tự khắc phục, không yêu cầu bồi thường. Trên diện tích đất đang

tranh chấp không có tài sản, cây cối gì.

**Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất mà gia đình ông, bà hiện nay đang canh tác ở Khu X, xã P H, thị xã P T có từ năm 1980 do bố mẹ ông H để lại và năm 1993 ông, bà có mua thanh lý của Hợp tác xã Thống Nhất, xã P H. Gia đình ông, bà canh tác từ đó đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không biết cụ thể diện tích là bao nhiêu m^2 và thuộc số thửa, tờ bản đồ nào. Thửa đất đó ở trên đồi giáp với một số thửa đất của các hộ dân là: Ông B, ông B, ông C, bà T, bà P, ông L. Con đường mà hiện nay các hộ sử dụng làm đường đi lên phần đất canh tác có từ năm 1980. Nguồn gốc con đường là do gia đình ông, bà tự mở để làm lối đi cho tất cả các hộ dân. Khi mở đường ông, bà không xin phép cơ quan có thẩm quyền nào. Khi có dự án trồng rừng 327 các hộ dân vẫn sử dụng con đường đó làm lối đi lên đồi. Vì vậy, theo quy hoạch dự án trồng rừng 327 của Ủy ban nhân dân xã P H đã có sẵn con đường để các hộ dân đi lên khai thác gỗ bạch đàn. Theo kết luận số 03/KL-CT ngày 05/5/2020 của Chủ tịch UBND xã P H tại hội nghị làm việc về giải quyết đơn của bà Tạ Thị S thì quy hoạch của con đường có chiều rộng là 2,8m (trong đó có 80cm để làm rãnh thoát nước), chiều dài bắt đầu từ Quốc lộ số 2 đến hết đất của gia đình bà Tạ Thị S. Các hộ dân vẫn sử dụng con đường đó từ trước đến nay. Do nhu cầu cần phải mở rộng con đường để đi lên khai thác gỗ nên tháng 4/2021 gia đình ông, bà cùng một số hộ dân đã san lấp, mở rộng lại con đường để thuận tiện cho việc đi lại. Khi ông, bà làm đường vẫn tôn trọng diện tích chiều rộng của con đường có từ trước, ông, bà chỉ san lấp lấy mặt phẳng và làm lại rãnh thoát nước. Ông, bà không lấn chiếm đất của gia đình bà S. Khi làm đường, ông, bà có báo cáo Trưởng khu dân cư số 2 và số 3, xã P H, sau khi làm xong ông, bà đã bàn giao lại để khu quản lý. Toàn bộ diện tích đất làm đường vẫn giữ nguyên theo diện tích con đường có từ trước. Con đường này không thuộc đất của gia đình ông, bà canh tác mà là lối đi chung của các hộ dân gồm: ông, bà; ông Nguyễn Văn C, ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị T. Ngoài các hộ dân trên thì không có hộ dân nào khác đi trên con đường đó để khai thác và trồng cây. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thì ông, bà biết diện tích đất đang tranh chấp là 138,2m^2. Ông bà đồng ý với diện tích đất trên không có ý kiến gì. Ông, bà khẳng định diện tích đất trên không thuộc quyền sử dụng của ông, bà mà chỉ là đường để đi lên diện tích đất gia đình ông, bà đang canh tác.Trên diện tích đất đang tranh chấp không có tài sản gì. Nay gia đình bà S khởi kiện đòi lại diện tích con đường mà ông, bà đã làm. Quan điểm của ông, bà không nhất trí vì con đường đã có trong quy hoạch của dự án trồng rừng 327 từ trước khi gia đình bà S đến ở và các hộ dân đã sử dụng đi lại để khai thác gỗ từ trước đến nay. Ông, bà đề nghị gia đình bà S, ông B phải để lại nguyên trạng con đường để các hộ dân đi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Ngô Thị T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất mà gia đình bà hiện nay đang canh tác ở khu Đ C thuộc Khu X, xã P H là do bố mẹ bà khai hoang một phần và một phần do Hợp tác xã nông nghiệp giao cho canh tác theo dự án 327 để trồng rừng từ năm 1993. Khi

giao đất cho gia đình bà, Hợp tác xã có lập biên bản và giấy giao đất do Hợp tác xã nông nghiệp lập. Hiện nay bà vẫn còn giữ nên bà sẽ giao cho Tòa án sau. Bà canh tác từ đó đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không biết cụ thể diện tích là bao nhiêu m^2 và thuộc số thửa, tờ bản đồ nào. Thửa đất đó ở trên đồi giáp với 04 thửa đất của các hộ dân khác gồm đất bà Tạ Thị S, ông Nguyễn Văn C, ông Ngô Văn B và bà Ngô Thị P. Nguồn gốc con đường hiện nay là có từ trước khi gia đình bà S chuyển đến. Mọi người sử dụng liên tục từ đó đến nay. Khi bà Tạ Thị S khởi kiện đến Ủy ban nhân dân xã P H thì Uỷ ban nhân dân xã P H đã tiến hành hòa giải. Theo kết luận số 03/KL-CT ngày 05/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P H tại hội nghị làm việc về giải quyết đơn của bà Tạ Thị S thì quy hoạch của con đường có chiều rộng là 2,8m (trong đó có 80cm để làm rãnh thoát nước), chiều dài bắt đầu từ quốc lộ số 2 đến hết đất của gia đình bà Tạ Thị S. Các hộ dân vẫn sử dụng con đường đó từ trước đến nay. Do nhu cầu cần phải mở rộng con đường để đi lên khai thác gỗ nên tháng 4/2021 gia đình bà cùng một số hộ dân đã san lấp, mở rộng lại con đường để thuận tiện cho việc đi lại. Khi làm đường vẫn tôn trọng diện tích chiều rộng của con đường có từ trước, chỉ san lấp lấy mặt phẳng và làm lại rãnh thoát nước. Bà không lấn chiếm đất của gia đình bà S. Khi làm đường, mọi người có báo cáo Trưởng khu dân cư số 2 và số 3 cùng với đại diện Ủy ban nhân dân xã P H xuống tận nơi để giao đất cho mọi người làm đường, sau khi làm xong thì đã bàn giao lại để khu quản lý. Toàn bộ diện tích đất làm đường vẫn giữ nguyên theo diện tích có từ trước. Ngoài con đường hiện nay các hộ dân đang sử dụng để đi lại thì không có con đường nào khác để đi lên các thửa đất.

Nay gia đình bà S khởi kiện đòi lại diện tích con đường mà các gia đình đã làm. Quan điểm của bà không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà S phải để lại nguyên trạng con đường để các hộ canh tác đi lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Văn B trình bày:

Nguồn gốc thửa đất mà gia đình ông hiện nay đang canh tác ở khu Đ C thuộc Khu X, xã P H là do gia đình ông khai hoang để trồng rừng từ năm 1980. Ông canh tác từ đó đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không biết cụ thể diện tích là bao nhiêu và thuộc số thửa, tờ bản đồ nào. Thửa đất đó ở trên đồi giáp với 04 thửa đất của các hộ dân khác gồm đất bà Tạ Thị S, ông Nguyễn Văn C, bà Ngô Thị T và bà Ngô Thị P. Nguồn gốc con đường có từ trước khi bà S chuyển đến, mọi người sử dụng từ đó đến nay. Ngoài con đường đó ra không còn con đường nào khác để lên khu đất này. Nay gia đình bà S khởi kiện đòi lại diện tích con đường mà ông cùng mọi người đã làm. Quan điểm của ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S, ông B, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà S phải để lại nguyên trạng con đường để ông cùng mọi người đi lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn C trình bày:

Từ năm 1974, Hợp tác xã Thống Nhất trồng Bạch Đàn và thuê ông bảo vệ toàn bộ khu đồi Bạch đàn đó đến năm 1991 thì khai thác. Sau khi khai thác xong đến năm 1993, Hợp tác xã bán thanh lý toàn bộ số Bạch đàn trồi và diện tích đất cho một số hộ dân. Gia đình ông được bán thanh lý một phần đất trong số diện

tích đó. Ông canh tác từ đó đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không biết cụ thể diện tích là bao nhiêu và thuộc số thửa, tờ bản đồ nào. Hiện nay, ông vẫn còn diện tích đất trồng Bạch đàn ở đó. Nguồn gốc con đường hiện nay có từ khi các hộ dân các hộ dân đến khai hoang nên tự làm để lấy lối đi. Các hộ dân vẫn sử dụng con đường đó từ trước đến nay. Ngoài con đường này ra không còn con đường nào khác để lên khu đất đó. Do nhu cầu cần phải mở rộng con đường để đi lên khai thác gỗ nên tháng 4/2021 gia đình ông cùng một số hộ dân đã san lấp, mở rộng lại con đường để thuận tiện cho việc đi lại. Khi ông cùng mọi người làm đường vẫn tôn trọng diện tích chiều rộng của con đường có từ trước, chỉ san lấp lấy mặt phẳng và làm lại rãnh thoát nước. Ông không lấn chiếm đất của gia đình bà S. Khi làm đường, ông cùng mọi người có báo cáo Trưởng khu dân cư số 2 và số 3 cùng với đại diện Ủy ban nhân dân xã P H xuống tận nơi để giao đất cho chúng tôi làm đường, sau khi làm xong ông cùng mọi người đã bàn giao lại để khu quản lý. Toàn bộ diện tích đất làm đường vẫn giữ nguyên theo diện tích có từ trước. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà S, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà S, ông B để lại con đường như cũ để ông cùng mọi người đi lại cho thuận tiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Ngô Thị P trình bày:

Nguồn gốc thửa đất mà gia đình bà hiện nay đang canh tác ở khu Đ C thuộc Khu X, xã P H là do gia đình bà khai hoang để trồng rừng từ năm 1980. Bà canh tác từ đó đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không biết cụ thể diện tích là bao nhiêu và thuộc số thửa, tờ bản đồ nào. Nguồn gốc con đường hiện nay có từ khi các hộ dân đến khai hoang nên tự làm để lấy lối đi. Các hộ dân vẫn sử dụng con đường đó từ trước đến nay. Ngoài con đường này ra không còn con đường nào khác để lên khu đất đó. Do nhu cầu cần phải mở rộng con đường đẻ đi lên khai thác gỗ nên tháng 4/2021 gia đình bà cùng một số hộ dân đã san lấp, mở rộng lại con đường để thuận tiện cho việc đi lại. Khi bà cùng mọi người làm đường vẫn tôn trọng diện tích chiều rộng của con đường có từ trước, chỉ san lấp lấy mặt phẳng và làm lại rãnh thoát nước. Bà không lấn chiếm đất của gia đình bà S. Khi làm đường, bà cùng mọi người có báo cáo Trưởng khu dân cư số 2 và số 3 cùng với đại diện Ủy ban nhân dân xã P H xuống tận nơi để giao đất cho để làm đường, sau khi làm xong đã bàn giao lại để khu quản lý. Toàn bộ diện tích đất làm đường vẫn giữ nguyên theo diện tích có từ trước. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện củ bà S, ông B, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà S, ông B để lại con đường như cũ để đi lại cho thuận tiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân xã P H do ông Lê Đình L đại diện trình bày:

Phần đất đang tranh chấp giữa hộ bà Tạ Thị S với hộ ông Ngô Văn H hiện nay nằm trong diện tích đất của hộ bà Tạ Thị S quản lý và sử dụng nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên bản đồ địa chính Ủy ban nhân dân xã đang quản lý không thể hiện con đường mà hộ ông H và các hộ dân khác đang sử dụng mà chỉ thể hiện con đường đi vào nghĩa trang nhân dân Khu X giáp với khu đất của các hộ dân đang trồng bạch đàn.

Năm 2020 bà Tạ Thị S có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã giải quyết buộc

ông Ngô Văn H phải trả lại cho gia đình bà S diện tích đất mà ông H đang sử dụng làm đường đi lên đồi Bạch Đàn. Ngày 05/5/2020, Ủy ban nhân dân xã P H phối hợp với các Ban, ngành liên quan tiến hành làm việc với bà Tạ Thị S. Tại buổi làm việc bà S đã đồng ý để lại một phần đất làm lối đi rộng 02m, dài từ mặt đường quốc lộ 2 đến hết phần đất của bà S cho các hộ dân làm đường đi lên đồi canh tác, nhưng không dược đổ bê tông, kiên cố mà chỉ để đường đất. Sau đó bà S thay đổi ý kiến không ký biên bản. Ủy ban nhân dân xã P H tiếp tục tổ chức các buổi hòa giải để động viên gia đình bà S nhượng lại một phần đất cho các hộ dân làm lối đi nhưng bà S đều không nhất trí.

Nay bà S khởi kiện ra Tòa án, quan điểm của Ủy ban nhân dân xã P H như sau: Mặc dù hiện nay nhà nước không có chủ trương quy hoạch phần đất đang tranh chấp làm đường đi cho các hộ dân. Tuy nhiên, để thuận tiện cho các hộ dân có lối đi lại, đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để động viên gia đình bà S để lại một phần đất làm đường đi cho các hộ dân lên đồi canh tác. Nếu gia đình bà S không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang tranh chấp. Kết quả như sau: Diện tích thửa đất số 111, tờ bản đồ số 35 thuộc Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ là 4.079,8 m^2; Diện tích đất tranh chấp có chỉ giới đo đạc 4,5,22,23,24,8,9,10,19,20,21,4 (có sơ đồ đo đạc kèm theo) thuộc thửa số 111, tờ bản đồ số 35 thuộc Khu X, xã P H, thị xã P T mà ông B, bà S đang tranh chấp với ông H, Bà K và các hộ dân có diện tích 138,2m^2, trên phần đất tranh chấp không có tài sản gì và Hội đồng định giá định giá đất tranh chấp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/m^2.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P T, tỉnh Phú Thọ đã Quyết định:

Căn cứ khoản 2 điều 5, khoản 9 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 147, điều 157, điều 158, điều 165 và điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 115, điều 163, điều 164, điều 166, điều 169 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điều 100, điều 166, điều 170, điều 202, điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B và bà Tạ Thị S.

Xác định diện tích đất 138,2m^2 theo chỉ giới đo đạc 4,5,22,23,24,8,9,10,19, 20,21,4 (có sơ đồ đo đạc kèm theo) là một phần diện tích của thửa đất số 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn B và bà Tạ Thị S.

Buộc ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K, ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị P chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 138,2m^2 theo chỉ giới đo đạc 4,5,22,23,24,8,9,10,19, 20,21,4 (có sơ đồ đo đạc kèm theo) là một phần diện tích của thửa đất số 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng ông Lê Văn B và bà Tạ Thị S.

2. *Về chi phí thẩm định và định giá tài sản*:

Bà Tạ Thị S, ông Lê Văn B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.200.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Tạ Thị S, ông Lê Văn B đã nộp đủ 8.200.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

Bà Tạ Thị S và ông Lê Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên vềquyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P T, tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại vụ án để các ông bà được sử dụng diện tích con đường đi canh tác thuận tiện như cũ.

Tại phiên tòa ngày 25/11/2022, ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ lại phần đất tranh chấp. Ngày 09/12/2022 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗxác định lối đi từ đường quốc lộ lên đồi hết tường rào nhà bà Bội, Sự đã được đo vẽ thẩm định tại biên bản thẩm định ngày 16/9/2021, tiếp theo lối đi 138,2m2 tại thửa số 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X xã P H lên đỉnh đồi khoảng 150m là đất trồng cây của ông H, bà T, phía mặt sau đồi là đất của ông L, bà K, bà T. Chân đồi phía sau là bãi trồng chè của ông C, ông L, ông Q, ông V bám vào đường nhà ông K lối đi vào nghĩa trang thuộc đất Khu Y, phía bên phải vào khoảng 250m là nghĩa trang Khu Y, phía bên trái là bãi trồng chè của ông C, ông L, ông Q, ông V. Đi tiếp khoảng 310m là trại trồng cây của ông K, lối đi từ cổng nghĩa trang Khu Y vào đến cổng trang trại nhà ông K khoảng 560m2 (có sơ đồ kèm theo).

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Ngô Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quanông B, ông C, bà T có bài phát biểu lưu hồ sơ vụ án và đề nghị không chấp nhận phán quyết của cấp sơ thẩm; Công nhận con đường này là con đường đi của các hộ dân đi lên đồi

để canh tác.

Bị đơn đề ngị cấp phúc thẩm xem xét trả lại con đường này cho hộ dân lên đồi canh tác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà T và ông C đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để trả lại lối đi cho hộ dân lên đồi canh tác.

* Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai của xã thể hiện trên mục kê địa chính , trích lục bản đồ và đóng thuế nhà nước, địa phương và phồng tài nguyên môi trường thị xã P T xác định là không có con đường trên mà các hộ tự mở để đi. Căn cứ Nghị định117/2021 quy định mở lối đi ra đường Quốc lộ là UBND tỉnh quyết định, ông L Chủ tịch xã ra Công văn là không đúng, phải có tờ trình , kể cả cấp huyện không có quyền mở lối đi ra đường Quốc lộ.Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2022/DS-STNgày: 23-6-2022 của Tòa án nhân dân thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Căn cứ khoản 1 điều 308; khoản 1 điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 điều 29 Nghị định số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án số: 02/2022/DS-ST ngày: 23-6-2022 của Tòa án nhân dân thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa vào ngày 03/8/2022, bị đơn ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C có đơn xin hoãn phiên tòa. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 08/9/2022; Ngày 05/9/2022 ông Ngô Văn H có đơn đề nghị Công ty Luật C C V – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội cử Luật sư Phạm Hồng K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H; Ngày 12/9/2022 ông Tạ Gia L có đơn đề nghị chấm dứt hợp đồng với ông Lê Văn B và bà Tạ Thị S và từ chối tham gia tố tụng;Tại phiên tòa ngày 08/9/2022, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Văn H có đơn xin hoãn

phiên tòa để tiếp cận nghiên cứu hồ sơ.Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 16/9/2022; Tại phiên tòa ngày 16/9/2022, bị đơn ông Ngô Văn H đề nghị hoãn phiên tòa để thực hiện quyền khiếu nại về việc tòa án không chấp nhận thay đổi thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa dể ông cung cấp tài liệu về việc thay đổi.Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 28/9/2022; Do ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C mời Luật sư phạm Hồng K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B, bà T, ông C; ngày 26/9/2022, ông Ngô Văn H ủy quyền cho ông Phan Lạc Mạnh Q tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày 28/9/2022 bị đơn ông Ngô Văn H đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập người làm chứng,Căn cứ Điều 229, 233, Điều 235 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 27/10/2022, tại phiên tòa ngày 27/10/2022 người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn H là ông Phan Lạc Mạnh Q và cần phải triệu tập một số người làm chứng.Căn cứ Điều 227,229,233, 235, 296 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 25/11/2022;Tại phiên tòa ngày 25/11/2022 bị đơn ông Ngô Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị P,ông Nguyễn Văn C đề nghị xem xét thẩm định lại phần đất (lối đi) đang tranh chấp, do vậy căn cứ vào 235,điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định tạm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định lại theo yêu cầu của đượng sự và ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 23/12/2022. Tại phiên tòa ngày 23/12/2022, ông Phan Mạnh Lạc Q là người được ông H ủy quyền nhưng ông Q vắng mặt, ông H có ý kiến không ủy quyền cho ông Quân nữa; ông Ngô Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị P đề nghị phải có mặt nguyên đơn là ông Lê Văn B và bà Tạ Thị S, nhưng do ông B, bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật dân sự tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặtông B và bà S, sau đó bị đơn là ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị P tự bỏ về do vậy Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn dịnh mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 12/01/2023. Tại phiên tòa ngày 12/01/2022, Nguyên đơn bà Tạ Thị Sợ và ông Lê Văn B, bị đơn Bà Nguyễn Thị K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà ông Ngô Văn B , bà Nngoo Thị Phúc và UBND xã P H vắng mặt. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt đều đề nghị Hoãn phiên tòa và ông B và bà P vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất. Hội đồng xét xử xét thấy Bị đơn và UBND xã P H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông B và bà P có mặt tại phiên tòa ngày 23/12/2022sau đó tự bỏ về., Hội đồng xét xử phải ra quyết định hoãn ophieen tooaf. Tại phiên tòa hôm nay ông B và bà P

vắng mặt như vậy là vắng mặt phiên tòa lần 2 nên Hội đồng đưa vụ án xét xử theo điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Xét đơn Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P T, tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại vụ án để các ông bà được sử dụng diện tích con đường đi canh tác thuận tiện như cũ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Về nguồn gốc thửa đất mà gia đình bà S, ông B đang sử dụng hiện nay đang sử dụng được tổng hợp từ các thửa 403, 404, 405, 415 tờ bản đồ số 8, thuộc Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ đo vẽ năm 1997 nay là thuộc số thửa 111, tờ bản đồ số 35, diện tích 4.079,8m^2 thuộc Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ là do gia đình bà S mua lại của hộ dân khác từ năm 1990 đã được kê khai trong sổ mục kê và sổ địa chính xãnhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bà S đã xây dựng nhà và sinh sống trên thửa đất này từ năm 1990 đến nay.

[3.2] Nguồn gốc thửa đất mà gia đình ông H, Bà K và hộ ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C đang sử dụng hiện nay là đất trồng rừng trước đây do Hợp tác xã nông nghiệp Thống Nhất quản lý, sau đó bán thanh lý cho hộ ông H và hộ ông B, bà P, Thoa, ông C. Do là đất dự án trồng rừng nên chưa được giao quyền sử dụng đất nên không có số thửa và diện tích sử dụng cụ thể mà hiện nay nhà nước quản lý phần đất này.

[3.3] Đối với diện tích đất 138,2m^2 đang tranh chấp giữa bà S, ông B với ông H, Bà K thuộc diện tích đất thửa 111, tờ bản đồ 35 tại Khu X, xã P H của gia đình bà S, ông B quản lý và sử dụng. Nhưng trước đây là con đường nhỏ tự phát do các hộ dân tự đi lại để khai thác gỗ. Trên bản đồ địa chính do Ủy ban nhân dân xã P H hiện nay đang quản lý, cũng như bản đồ đo vẽ năm 1997 thì không thể hiện có con đường này. Ngoài con đường mà các hộ dân hiện nay đang đi để lên đồi canh tác và khai thác gỗ (phần diện tích đất đang tranh chấp) thì trên bản đồ địa chính xã P H đang quản lý thể hiện có 1 con đường từ quốc lộ 2 chạy vào sau đó chia thành đường đi vào nghĩa trang Khu X, xã P H và 1 đường chạy phía sau nghĩa trang Khu X, xã P H tiếp giáp với thửa đất rừng bao quanh mà các hộ dân trên đang canh tác.

[3.4]Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2022 tại Phòng tài nguyên - Môi trường thị xã P T thể hiện trên bản đồ địa chính không thể hiện có con đường mà các hộ dân đang tranh chấp mà chỉ thể hiện con đường đi lên khu nghĩa trang nhân dân Khu X và khu đất của các hộ dân đang canh tác như đã phân tích ở trên.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2022 xác định lối

đi từ đường quốc lộ lên đồi như đã được đo vẽ thẩm định tại biên bản thẩm định ngày 16/9/2021, tiếp theo lối đi 138,2m2 tại thửa số 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X xã P H lên đỉnh đồi là đất trồng cây của ông H, bà T, phía mặt sau đồi là đất của ông L, bà K, bà T. Chân đồi phía sau là bãi trồng chè của ông C, ông L, ông Q, ông V. Từ phần đất tranh chấp (lối đi) đi theo đường Quốc lộ II lên phía Đoan Hùng cách khoảng 500m đến lối rẽ vào đường nghĩa trang và có 01 con đường đi thẳng lên đồi nghĩa trang, có 01 con đường rẽ phải chân đồi nghĩa trang có con đường đi vào đường nhà ông K, con đường này ô tô vẫn đi vào để khai thác cây cối, phía chân rệ đường vào nhà ông K là nhà văn hóa cũ (từ Quốc lộ II rẽ vào khoảng 250m và đi tiếp 310m đến cổng trang trại nhà ông K; giáp với hộ trồng chè của ông C, ông L, ông Q, ông V là chân đồi trở lên là đất trồng cây của ông L, bà K, bà T và lên đến đỉnh đồi là đất củađất trồng cây của ông H, bà T.(có sơ đồ minh họa trong hồ sơ).

Theo ông H Bà K; gia đình ông C, bà T, ông B, bà P thì nguồn gốc diện tích đất mà gia đình ông H Bà K; gia đình ông C, bà T, ông B, bà P canh tác là do khai hoang và mua của Hợp tác xã Thống Nhất xã P H bán thanh lý từ năm 1993. Phần diện tích đất tranh chấp 138,2m^2 là con đường đã tồn tại từ trước khi gia đình bà S, ông B đến ở diện tích đất này. Tại biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân xã P H, phần diện tích đường này là do các hộ dân tự phát đi lại cho thuận tiện việc canh tác và khai thác, chứ trên bản đồ không thể hiện con đường này và tại biên bản xác minh tại Phòng tài nguyên môi thường thị xã thì con đường này không có quy hoạch mở và Nhà nước không có chủ trương mở đường, các hộ dân trồng đất rừng căn cứ vào hiện trạng sử dụng tự lựa chọn đường đi cho hợp lý, thuận lợi, không có con đường mở từ quốc lộ 2 qua phần đất thuộc thửa số 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ để đi lên khu đất rừng phía sau thửa đất 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ mà chỉ có con đường đi vào nghĩa trang để đi ra phía sau đồi mà các hộ dân khác vẫn vẫn đi trên con đường này. Đồng thời Ủy ban nhân dân xã P H cũng như phòng tài nguyên môi trường thị xã P T xác định: Diện tích đất 138,2m^2 đang tranh chấp giữa gia đình bà S, ông B với gia đình ông H, Bà K, bà T, bà P, ông C và ông B là 1 phần diện tích đất của thửa đất 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T thuộc quyền sử dụng của gia đình bà S, ông B.

[3.5]Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông B, bà T và bà P không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ có căn cứ pháp lý chứng minh diện tích đất tranh chấp là đường đi lên phần diện tích đất các hộ đang canh tác. Nhà nước cũng đã quy hoạch con đường đi vào khu đất trồng rừng đo bao quanh trong đó có phần diện tích đất của các hộ dân đang canh tác.

[4]Từ những phân tích ở trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các quy định của pháp luật để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị S, ông Lê Văn B. Xác định quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp là 138,2m^2 là 1 phần diện tích đất của thửa đất số 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng của ông B, bà S; buộc ông H, Bà K, ông C, ông B, bà T và bà P chấm dứt hành vi tranh

chấp quyền sử dụng đối với diện tích đất trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C.

Quá trình tạm ngừng phiên tòa, ngày 16/12/2022 ông Ngô Văn H, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn B, ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị với các nội dung:

Thiếu biên bản làm việc vào hồi 08 giờ ngày 11/10/2018 của UBND xã P H với các hộ dân; cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc bà Tạ Thị S mua đất của những ai ngoài của ông Ngô Văn L; bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/9/2021 của cấp sơ thẩm đưa sai chức danh của cán bộ UBND xã như ông Vũ Đình L là lao động hợp đồng của Ủy ban xã P H thành công chức Tư pháp xã P H; biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2022 ghi ông Vũ Đình L là cán bộ địa chính xã; biên bản làm việc ngày 09/5/2022 không đưa biên bản cho những người tham gia ký tên; khi thẩm định đo đạc sơ đồ thửa đất của bà Tạ Thị S không có sự tham gia của các hộ liền kề ký tên xác minh danh rới mà chỉ do bà S chỉ mốc giới; các biên bản làm việc bị tẩy xóa như ngày, tháng, năm. Do vậy cần phải xem sét lại không để sai lệch do sửa chữa.

Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã P H và Tòa án nhân dân thị xã P T. Xét thấy biên bản làm việc ngày 11/10/2018 của UBND xã P H với các hộ dân là do các bên đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ; Việc thiếu biên bản này trong hồ sơ là do các bên đương sự không cung cấp được; Theo bản đồ đo vẽ tháng 10 năm 1997 và được UBND xã P H duyệt công nhận tháng 11 năm 1997, UBND huyện Phong Châu duyệt tháng 7 năm 1999 thửa đất số 111, tờ bản đồ số 35 có diện tích 4.079,8m2 có nguồn gốc từ 04 thửa đất của ông bà Bội sự gộp thành gồm thửa đất số 403, diện tích 1224m2 đất trồng rừng;thửa đất số 404, diện tích 1875m2 đất thổ cư; thửa đất số 405 có diện tích 165m2 đất màu; thửa đất số 415 có diện tích 2305m2 đất màu. Năm 2001 đo vẽ bản đồ ký thuật số nên đất ở của ông bà B S nằm ở 04 thửa đất trên gộp thành thửa số 111, tờ bản đồ số 35 có diện tích 4079,8m2 mục đích đất thổ cư, do vậy khi thẩm định bằng máy đo đã xác định đúng các cạnh như dữ liệu bản đồ ký thuật số năm 2001; UBND xã P H đã ký kết hợp đồng lao động với ông Vũ Đình L với chức danh chuyên môn là quản lý đất đai-XD-NN và Môi trường, do vậy việc ghi ông L với chức danh là cán bộ địa chính là đúng. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/9/2021 của Tòa án thị xã P T đã đưa sai chức danh của ông L là công chức Tư pháp xã P H là không đúng với chức danh của ông L; một số biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân thị xã P T với UBND, công chức địa chính xã P H có sửa chữa ngày, tháng, năm và có tẩy xóa nhưng Tòa án nhân dân thị xã P T và UBND, công chức địa chính xã đều xác nhận đúng với nội dung sửa chữa và nội dung tẩy xóa đúng với số liệu thực tế. Việc sửa chữa và tẩy xóa không đóng dấu lên phần sửa chữa là không đúng với quy định của pháp luật, việc sửa chữa và tẩy xóa này không ảnh hưởng đến thay đổi nội dung vụ việc nhưng đây là những sai sót

cấp sơ thẩm cần được rút kinh nghiệm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ xét thấy phù hợp nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã phân tích và đánh giá tại phần nhận định của bản án nên không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn C không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P là người Cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vêchi phí tố tụng: Quá trình phúc thẩm ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ lại phần đất tranh chấp. Việc chi phí thẩm định tại chỗ chi phí hết số tiền 800.000đồng. Do kháng cáo không được chấp nhận nênông H, ông Bình, bà P, bà T, ông C phải chịu số tiền trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

[2] Căn cứ điều 115, điều 163, điều 164, điều 166, điều 169 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điều 100, điều 166, điều 170, điều 202, điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B và bà Tạ Thị S.

Xác định diện tích đất 138,2m^2 theo chỉ giới đo đạc 4,5,22,23,24,8,9,10,19, 20,21,4 (có sơ đồ đo đạc kèm theo) là một phần diện tích của thửa đất số 111, tờ

bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn B và bà Tạ Thị S.

Buộc ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K, ông Ngô Văn B, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị P chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 138,2m^2 theo chỉ giới đo đạc 4,5,22,23,24,8,9,10,19, 20,21,4 (có sơ đồ đo đạc kèm theo) là một phần diện tích của thửa đất số 111, tờ bản đồ số 35 tại Khu X, xã P H, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng ông Lê Văn B và bà Tạ Thị S.

2. *Về chi phí thẩm định và định giá tài sản*:

Bà Tạ Thị S, ông Lê Văn B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.200.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Tạ Thị S, ông Lê Văn B đã nộp đủ 8.200.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tạ Thị S và ông Lê Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Ngô Văn H, Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3]Về chi phí tố tụng phúc thẩm:Ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 160.000đ(một trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông H, ông B, bà P, bà T, ông C đã nộp đủ số tiền trên.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn H,Bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn C mỗi nười phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

Xác nhận bà Ngô Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002846 ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P T, tỉnh Phú Thọ do ông Ngô Văn H nộp thay.

Xác nhận ông Ngô Văn H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002847 ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P T, tỉnh Phú Thọ.

Xác nhận ông Nguyễn Văn C đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002848 ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P T, tỉnh Phú Thọ do ông Ngô Văn H nộp thay.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
-VKSND thị xã P T;
- TAND thị xã P T;
- Chi cục THADS thị xã P T;
- Các đương sự;
- Người BVQL và LIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ. văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Toàn